TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **26**/2020/DS-ST
Ngày 09-7-2020
V/v: Tr.c Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 19-02-2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2020/QĐST-DS ngày 30-6-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 14, thôn S, xã NT, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thúy H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 1093 đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Thúy H1 là bạn bè của nhau. Từ năm 2010 đến năm 2017, bà H đã cho bà H1 vay tiền tất cả mười sáu lần với tổng số tiền 1.010.000.000đ (Một tỷ không trăm mười triệu đồng). Cụ thể các lần bà H cho bà H1 vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 01-3-2010: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 12-5-2010: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Lần 3: Ngày 29-5-2011: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Lần 4: Ngày 30-3-2012: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Lần 5: Ngày 21-12-2012: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Lần 6: Ngày 02-3-2013: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 7: Ngày 17-02-2013: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Lần 8: Ngày 31-12-2013: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 9: Ngày 20-6-2014: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Lần 10: Ngày 25-10-2014: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 11: Ngày 01-3-2015: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 12: Ngày 30-9-2015: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Lần 13: Ngày 20-7-2016: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

Lần 14: Ngày 27-11-2016: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

Làn 15: Ngày 12-6-2017: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 16: Ngày 20-11-2017: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Từ năm 2011 đến năm 2016, bà H1 cũng đã nhiều lần trả được tiền cho bà H với tổng số tiền là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Cụ thể các lần bà H1 trả tiền cho bà H như sau:

Ngày 20-02-2011: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Ngày 30-8-2012: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Ngày 14-6-2013: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Ngày 19-7-2014: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Ngày 07-8-2016: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Mỗi lần bà H1 vay hay trả tiền cho bà H đều ghi vào cuốn sổ của bà H, có ký tên và ghi đầy đủ họ tên. Việc bà H cho bà H1 vay không có lãi suất, khi vay bà H1 có nói "khi nào thu xếp được tiền thì sẽ trả cho bà H".

Trong thời gian bà H cho bà H1 vay tiền và hiện tại là độc thân. Số tiền bà cho bà H1 vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến ai.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả tiền cho bà nhưng bà H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán . Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H1 thanh toán một lần cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng). Bà không yêu cầu bà H1 trả tiền lãi.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Thúy H1 trình bày:

Bà H1 xác định quá trình vay tiền trả tiền, số tiền vay, số tiền trả của bà với bà H như bà H trình bày. Mục đích bà vay số tiền này để làm ăn riêng, không liên quan đến ai. Việc vay tiền không thỏa thuận về thời hạn và lãi suất cho vay. Mỗi lần vay tiền bà đều ghi vào sổ của bà H thể hiện thời gian vay, số tiền vay, ký và ghi rõ họ và tên.

Bà xác nhận bà còn nợ và đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng) . Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh hiện tại của bà không có khả năng trả tiền một lần nên bà xin bà H cho bà trả mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến khi trả xong hết nợ.

Tại phiên tòa:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà H1 trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc 830.000.000đ. Không đồng ý bà H1 trả mỗi tháng 10.000.000đ đến khi trả hết nợ thì thôi.

Bà H1 giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thúy H1 trả số tiền nợ gốc. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà H có nơi cư trú tại Phường A, thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 35 và điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Xét các giao dịch vay tiền giữa bà H và bà H1 được lập trong khoảng thời gian từ ngày 01-3-2010 đến ngày 20-11-2017. Quá trình thực hiện giao dịch bà H đã trả cho bà H1 được một phần tiền nợ gốc, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ vào điểm b, Khoản 1 Điều 688 Điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật Dân sự 2015, áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng bị đơn thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2017 bị đơn có vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 1.010.000.000 đồng, đã trả được 180.000.000 đồng, còn nợ lại 830.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 830.000.000 đồng là có thật. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất việc bị đơn vay tiền không liên quan đến ai. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 830.000.000 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xem xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn có yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Bị đơn phải chịu 36.900.000đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 18.450.000đ (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 273 Và 688 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Trần Thị Thúy H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thúy H1 phải chịu 36.900.000đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền 18.450.000đ (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000012 ngày 19-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Miện **Nguyễn Đắc Liệt** **Lê Thị Thanh**